TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15/5/2025.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức San và bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Ông Phạm Thật - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu T, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hà Hồng S, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu X, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh S vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Hà Hồng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/5/2010 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm trong công việc cũng như trong cuộc sống nên thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Khi vợ chồng mâu thuẫn gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là cháu Hà Hoàng B, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Hà Hoàng Q, sinh ngày 20/9/2015. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và nhất trí giao cháu B cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết.

2, P bị đơn anh Hà Hồng S trình bày: Anh và chị Hoàng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/5/2010 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm trong công việc cũng như trong cuộc sống nên thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Khi vợ chồng mâu thuẫn gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con, anh đề nghị Tòa án cho anh thời gian là 15 ngày (kể từ ngày 28/02/2025) để anh có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu hết thời hạn trên mà anh không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng thì anh nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Hà Hoàng B, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Hà Hoàng Q, sinh ngày 20/9/2015. Trường hợp ly hôn thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và nhất trí giao cháu Q cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh S không yêu cầu giải quyết.

3, Nguyện vọng của cháu Hà Hoàng B và cháu Hà Hoàng Q: Cháu B có nguyện vọng xin được ở với bố, cháu Q có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã H ngày 19/3/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị T và anh S không có đăng ký kết hôn tại UBND xã H mà đăng ký kết hôn ngày 15/5/2010 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại nhà mẹ đẻ anh S tại khu T, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống anh chị hoà thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng và do anh chị không bảo ban được nhau nên xảy ra mâu thuẫn. Chị T và anh S có 02 con chung là cháu Hà Hoàng B, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Hà Hoàng Q, sinh ngày 20/9/2015, hiện nay đang ở cùng chị T. Nay chị T xin ly hôn anh S, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã P ngày 19/3/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị T và anh S có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 15/5/2010. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại nhà mẹ đẻ anh S tại khu T, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống anh chị hoà thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, không hợp nhau nên chung sống không hạnh phúc. Chị T và anh S có 02 con chung là cháu Hà Hoàng B, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Hà Hoàng Q, sinh ngày 20/9/2015, hiện nay đang ở cùng chị T. Nay chị T xin ly hôn anh S, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy đinh tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hà Hồng S.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Hà Hoàng B, sinh ngày 01/01/2011 cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Bảo thành N (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là cháu Hà Hoàng Q, sinh ngày 20/9/2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T và anh S được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chi Thơm và anh S đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh S có hộ khẩu thường trú tại khu X, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị T có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh S đã được Toà án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh S là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 15/5/2010 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị T và anh S đều xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm trong công việc cũng như trong cuộc sống nên thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Khi vợ chồng mâu thuẫn gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án chị T luôn kiên quyết xin ly hôn, phía anh S có đề nghị Tòa án cho anh thời gian 15 ngày (kể từ ngày 28/02/2025) để anh có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên đến nay anh S cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị T và anh S được đại diện chính quyền địa phương xã P và xã H cung cấp sau khi kết hôn anh chị hoà thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, không hợp nhau nên chung sống không hạnh phúc. Anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét thấy

cuộc hôn nhân giữa chị T và anh S đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh S là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là cháu Hà Hoàng B, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Hà Hoàng Q, sinh ngày 20/9/2015. Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh S đều đề nghị nếu ly hôn thì giao cháu Q cho chị T nuôi dưỡng và giao cháu B cho anh S nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Cháu B có nguyện vọng xin được ở với anh S, cháu Q có nguyện vọng xin được ở với chị T. Xét đề nghị của anh chị là phù hợp nên chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T và anh S đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hà Hồng S.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Hà Hoàng B, sinh ngày 01/01/2011 cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Bảo thành N (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là cháu Hà Hoàng Q, sinh ngày 20/9/2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T và anh S được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chi Thơm và anh S đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005088 ngày 21/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã P;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền